

**CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK HOÀNG QUÂN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK HOÀNG QUÂN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG QUAN PHAT TM AND XNK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110215142

**3. Ngày thành lập:** 26/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Đình, Đội 6, Thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986312662

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                          | 4620(Chính) |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                              | 4662        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                          | 4663        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp                                       | 4669        |
| 6.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                             | 0118        |
| 7.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                          | 0119        |
| 8.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                 | 0121        |
| 9.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                          | 0128        |
| 10. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                           | 0129        |
| 11. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                              | 0131        |
| 12. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                               | 0132        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                     | 0161        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0163 |
| 15. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0164 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                           | 8299 |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 18. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1079 |
| 19. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2410 |
| 20. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2431 |
| 21. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2432 |
| 22. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2511 |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2591 |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công sản xuất các sản phẩm bằng sắt, thép, nhôm, inox                                                                                                                                                                                                           | 2592 |
| 25. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2593 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)                                                                                                                                                                                                 | 2599 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 28. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5225 |
| 31. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên, vườn hoa và các khu công cộng khác. - Tư vấn thiết kế, khảo sát lập dự toán và giám sát thi công các công việc thuộc lĩnh vực công viên, cây xanh (trừ tư vấn thiết kế, khảo sát, lập dự toán và giám sát công trình xây dựng) | 8130 |
| 32. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3211 |
| 33. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3212 |
| 34. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất cửa các loại bằng chất liệu nhôm kính, sắt, thép, inox...                                                                                                                                                                                                          | 3290 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4752 |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG MẠNH QUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/04/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088011140

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 6, Thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 6, Thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MẠNH QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088011140

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 6, Thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 6, Thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội